

Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ

T, ngày 23 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988.

HKTT và chỗ ở: Thôn X, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

HKTT và chỗ ở: Thôn X, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Anh T và chị L có 03 con chung là cháu Phạm Nguyễn V, sinh ngày 18/11/2011; cháu Phạm G, sinh ngày 24/9/2013 và cháu Phạm Nguyễn N, sinh ngày 28/6/2017. Anh T và chị L thỏa thuận giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung là cháu V, cháu G và cháu N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T và chị L tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Phạm Văn T tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016121 ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Trả lại anh Phạm Văn T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T,
- TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Lan Hương